



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**  
**đăng ký kinh doanh số** 0200344752 ngày 5 tháng 3 năm 1999

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200344752 ngày 4 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Hữu Quý Lâm Ông Bùi Quốc Hưng Ông Nguyễn Văn Bình Ông Mai Xuân Phong Ông Trần Hữu Hoàng  Ông Lâm Hồng Thanh	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên <i>(từ ngày 10 tháng 4 năm 2015)</i> Thành viên <i>(đến ngày 9 tháng 4 năm 2015)</i>
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Bình Bà Phạm Thị Thu Nga	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Đặng Quốc Việt  Ông Nguyễn Thành Chánh  Ông Trần Phước Thái Ông Ngô Văn Duy Nhất  Bà Đoàn Thị Chín	Trưởng ban <i>(từ ngày 13 tháng 8 năm 2015)</i> Trưởng ban <i>(đến ngày 12 tháng 8 năm 2015)</i> Thành viên Thành viên <i>(từ ngày 12 tháng 8 năm 2015)</i> Thành viên <i>(đến ngày 12 tháng 8 năm 2015)</i>
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Số 71 Lê Lai Quận Ngô Quyền Thành phố Hải Phòng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

*Nguyễn Văn Bình*  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, **28-03-2016**

2011  
CÔM  
CH NH  
KI  
TƯ LI

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28-03-2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-084/c



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **28 -03- 2016**

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2040-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>127.464.094.001</b>	<b>113.161.798.952</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>16.632.987.469</b>	<b>13.890.645.347</b>
Tiền	111		16.632.987.469	13.890.645.347
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6(a)</b>	<b>2.364.372.600</b>	<b>2.079.449.600</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		5.648.780.000	5.648.780.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.284.407.400)	(3.569.330.400)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.754.601.131</b>	<b>36.315.611.729</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	8.180.689.598	10.671.116.064
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.029.243.455	25.139.517.524
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.262.630.091	7.336.887.343
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(6.919.350.415)	(6.844.049.452)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		201.388.402	12.140.250
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>81.431.974.443</b>	<b>60.667.511.261</b>
Hàng tồn kho	141		82.290.396.304	61.525.933.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(858.421.861)	(858.421.861)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>280.158.358</b>	<b>208.581.015</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	261.185.730	189.608.387
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.972.628	18.972.628
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>60.954.366.521</b>	<b>56.791.210.460</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.851.323.131</b>	<b>6.666.940.721</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8	5.851.323.131	6.666.940.721
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.531.898.097</b>	<b>32.826.466.019</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.544.225.895	20.838.793.817
<i>Nguyên giá</i>	222		95.080.446.408	103.881.862.139
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(70.536.220.513)	(83.043.068.322)
Tài sản cố định vô hình	227	12	11.987.672.202	11.987.672.202
<i>Nguyên giá</i>	228		11.987.672.202	11.987.672.202
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.833.461.590</b>	<b>1.612.961.590</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.833.461.590	1.612.961.590
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.737.683.703</b>	<b>684.842.130</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	1.737.683.703	684.842.130
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>188.418.460.522</b>	<b>169.953.009.412</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>70.260.679.845</b>	<b>53.543.319.795</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.989.394.130</b>	<b>53.272.034.080</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	41.019.473.532	22.523.189.147
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.527.371.396	2.525.063.981
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	6.575.653.483	4.241.690.269
Phải trả người lao động	314		7.967.481.729	10.550.499.167
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.828.837.612	5.310.815.200
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	350.958.729	102.666.368
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	5.458.254.250	5.458.254.250
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	3.261.363.399	2.559.855.698
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>271.285.715</b>	<b>271.285.715</b>
Phải trả dài hạn khác	337		271.285.715	271.285.715
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>118.157.780.677</b>	<b>116.409.689.617</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>118.157.780.677</b>	<b>116.409.689.617</b>
Vốn cổ phần	411	22	50.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	27.648.023.735	24.999.675.631
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.756.369.592	25.656.626.636
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i>	421a		14.525.495.831	11.080.951.030
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		10.230.873.761	14.575.675.606
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>188.418.460.522</b>	<b>169.953.009.412</b>

**28 -03- 2016**

Người lập:



Vũ Thị Thảo  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	335.441.223.920	327.941.453.934
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	7.649.126.967	11.322.699.306
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>327.792.096.953</b>	<b>316.618.754.628</b>
Giá vốn hàng bán	11	27	236.602.781.320	218.097.377.849
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>91.189.315.633</b>	<b>98.521.376.779</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	105.521.988	297.529.682
Chi phí tài chính	22	29	(136.322.450)	(2.650.166.492)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		129.168.411	504.213.358
Chi phí bán hàng	25	30	51.949.282.604	47.500.037.902
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	29.476.206.449	34.436.884.870
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>10.005.671.018</b>	<b>19.532.150.181</b>
Thu nhập khác	31	32	4.676.678.426	719.150.361
Chi phí khác	32	33	593.295.915	950.772.730
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.083.382.511</b>	<b>(231.622.369)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>14.089.053.529</b>	<b>19.300.527.812</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	3.858.179.768	4.724.852.206
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>10.230.873.761</b>	<b>14.575.675.606</b>

28-03-2016


Người lập:



Vũ Thị Thảo  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>14.089.053.529</b>	<b>19.300.527.812</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		5.561.247.384	6.127.873.173
Các khoản dự phòng	03		(209.622.037)	(3.184.258.476)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.182.521.195)	(607.229.682)
Chi phí lãi vay	06		129.168.411	504.213.358
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>15.387.326.092</b>	<b>22.141.126.185</b>
Biến động các khoản phải thu	09		10.301.327.225	(4.140.914.980)
Biến động hàng tồn kho	10		(20.764.463.182)	9.380.759.748
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		16.541.386.205	6.891.801.270
Biến động chi phí trả trước	12		(1.124.418.916)	(179.645.534)
			<b>20.341.157.424</b>	<b>34.093.126.689</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(129.168.411)	(504.213.358)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.383.713.624)	(9.252.826.894)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(281.275.000)	(1.470.632.636)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>15.547.000.389</b>	<b>22.865.453.801</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.510.135.577)	(5.865.830.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		4.099.955.322	309.700.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	303.300.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		105.521.988	297.529.682
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.304.658.267)</b>	<b>(4.955.300.318)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		13.307.022.900	15.976.034.621
Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.307.022.900)	(27.257.994.684)
Tiền trả cổ tức	36		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.500.000.000)</b>	<b>(18.781.960.063)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2.742.342.122</b>	<b>(871.806.580)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>13.890.645.347</b>	<b>14.762.451.927</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>16.632.987.469</b>	<b>13.890.645.347</b>

**28 -03- 2016**

Người lập:



Vũ Thị Thảo  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

#### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, người sử dụng đất hoặc người thuê đất;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất các mặt hàng của Công ty;
- Sản xuất dầu gan cá và các chế phẩm nang mềm;
- Sản xuất các chế phẩm từ tảo biển: Agar – Alginate; và
- Kinh doanh xăng, dầu, khí đốt và khí hóa lỏng.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 1 công ty con (1/1/2015: 1 công ty con) được liệt kê trong thuyết minh số 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 491 nhân viên (1/1/2015: 572 nhân viên).

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200.

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 4 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được tính đối với quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (Tài khoản 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Giám đốc Công ty tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Công ty đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Công ty áp dụng chính sách kế toán về trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo Bộ Luật Lao động và Chuẩn mực kế toán số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, nợ phải trả dài hạn sẽ tăng và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm lần lượt là 3.071 triệu VND và 2.457 triệu VND (trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 614 triệu VND) (1/1/2015: Nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối sẽ lần lượt tăng 3.313 triệu VND và giảm 2.584 triệu VND, trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 729 triệu VND).

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư, công ty con của Công ty và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	833.905.331	429.652.922
Tiền gửi ngân hàng	15.799.082.138	13.460.992.425
	<hr/>	<hr/>
	16.632.987.469	13.890.645.347



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015				1/1/2015 – Đã phân loại lại			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu								
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân Đội	96.701	3.142.610.000	1.460.185.100	1.682.424.900	96.701	3.142.610.000	1.266.783.100	1.875.826.900
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	95.093	2.506.170.000	904.187.500	1.601.982.500	82.411	2.506.170.000	812.666.500	1.693.503.500
		<u>5.648.780.000</u>	<u>2.364.372.600</u>	<u>3.284.407.400</u>		<u>5.648.780.000</u>	<u>2.079.449.600</u>	<u>3.569.330.400</u>

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	31/12/2015 và 1/1/2015		Giá gốc VND
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Đầu tư góp vốn vào công ty con:				
• Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Đà Nẵng, Việt Nam	100%	100%	15.000.000.000

**7. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH Dịch vụ EB	1.526.183.717	2.075.073.562
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	1.349.988.111	960.497.180
Các khách hàng khác	5.304.517.770	7.635.545.322
	<b>8.180.689.598</b>	<b>10.671.116.064</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là công ty liên quan**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	793.617.590	793.617.590

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã phân loại lại</b>
Bảo hiểm xã hội	74.781.887	164.488.800
Phải thu người lao động	683.429.424	1.392.144.293
Phải thu từ các cá nhân (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Phải thu Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long về cho vay hàng tồn kho	4.938.595.200	-
Ký cược, ký quỹ	3.055.968.100	10.000.000
Phải thu khác	1.051.601.230	312.000.000
	<hr/> <b>15.262.630.091</b>	<hr/> <b>7.336.887.343</b> <hr/>

(\*) Phải thu từ các cá nhân về thuế giá trị gia tăng phải nộp Nhà nước trị giá 5.458.254.250 VND đã được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã phân loại lại</b>
Ký cược, ký quỹ	296.000.000	318.000.000
Phải thu dài hạn khác từ công ty con (*)	5.555.323.131	6.348.940.721
	<hr/> <b>5.851.323.131</b>	<hr/> <b>6.666.940.721</b> <hr/>

(\*) Phải thu dài hạn khác từ công ty con phản ánh số dư còn lại của các khoản phải thu từ hoạt động bán các tài sản cố định, không có đảm bảo, không chịu lãi suất và phải thu trong 12 lần, mỗi năm một lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2013.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			Số ngày quá hạn	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Nhất Nam	6 tháng - 1 năm	251.003.209	75.300.963	175.702.246	-	-	-	-
Phải thu từ các cá nhân cho phần thuế giá trị gia tăng	Trên 10 năm	5.458.254.250	5.458.254.250	-	Trên 10 năm	5.458.254.250	5.458.254.250	-
Khác	Trên 4 năm	1.385.795.202	1.385.795.202	-	Trên 3 năm	1.385.795.202	1.385.795.202	-
		7.095.052.661	6.919.350.415	175.702.246		6.844.049.452	6.844.049.452	-

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	259.054.999	-
Nguyên vật liệu	53.370.594.764	(858.421.861)	29.353.799.398	(858.421.861)
Công cụ và dụng cụ	121.582.933	-	90.523.460	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	957.439.290	-	986.740.191	-
Thành phẩm	20.572.263.617	-	21.129.254.974	-
Hàng hóa	7.268.515.700	-	9.706.560.100	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	82.290.396.304	(858.421.861)	61.525.933.122	(858.421.861)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 623 triệu VND (1/1/2015: 539 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển khó tiêu thụ được. Những lô hàng này đã quá hạn hoặc gần hết hạn sử dụng, Công ty sẽ hủy các lô hàng này khi quá hạn.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	36.338.531.195	58.057.331.595	7.149.148.329	2.336.851.020	103.881.862.139
Tăng trong năm	-	8.517.985.000	-	-	8.517.985.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản đờ dang	-	771.650.577	-	-	771.650.577
Thanh lý	(759.116.491)	(16.303.772.884)	(1.028.161.933)	-	(18.091.051.308)
Số dư cuối năm	35.579.414.704	51.043.194.288	6.120.986.396	2.336.851.020	95.080.446.408
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	27.943.656.446	47.696.808.010	5.600.011.809	1.802.592.057	83.043.068.322
Khấu hao trong năm	1.842.169.886	2.878.885.680	513.703.290	326.488.528	5.561.247.384
Thanh lý	(736.160.376)	(16.303.772.884)	(1.028.161.933)	-	(18.068.095.193)
Số dư cuối năm	29.049.665.956	34.271.920.806	5.085.553.166	2.129.080.585	70.536.220.513
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	8.394.874.749	10.360.523.585	1.549.136.520	534.258.963	20.838.793.817
Số dư cuối năm	6.529.748.748	16.771.273.482	1.035.433.230	207.770.435	24.544.225.895

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 44.063 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 49.372 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định vô hình có giá trị là 11.259 triệu VND (1/1/2015: 11.259 triệu VND) được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, công ty con của Công ty.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Số dư đầu năm	1.612.961.590	1.392.461.590
Tăng trong năm	992.150.577	5.865.830.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(771.650.577)	(5.645.330.000)
	1.833.461.590	1.612.961.590

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện cơ sở hạ tầng được phát triển với mục đích cho thuê trong tương lai.

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	5.763.970	155.993.387
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	255.421.760	33.615.000
	261.185.730	189.608.387

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu năm	684.842.130
Tăng trong năm	2.088.113.127
Thanh lý trong năm	(193.145.945)
Phân bổ trong năm	(842.125.609)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.737.683.703
	<hr/>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	8.147.448.150	5.802.567.910
Công ty TNHH Brenntag Việt Nam	866.745.550	2.878.199.203
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Bảo Quang	3.913.838.500	-
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	6.518.097.971	2.336.537.214
Các nhà cung cấp khác	21.573.343.361	11.505.884.820
	<hr/>	<hr/>
	41.019.473.532	22.523.189.147
	<hr/>	<hr/>

**(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	6.202.956.702	472.500.000
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	4.526.562.425	808.503.267
Công ty TNHH Xuân Việt	3.501.488.551	1.459.357.091
Công ty TNHH San Hà	2.788.240.000	-
Các nhà cung cấp khác	8.712.642.691	3.798.590.562
	<hr/>	<hr/>
	25.731.890.369	6.538.950.920
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/Bù trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.965.268.839	33.275.736.287	(33.493.217.010)	1.747.788.116
Thuế xuất nhập khẩu	-	27.941.936	(27.941.936)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.173.442.223	3.858.179.768	(4.383.713.624)	647.908.367
Thuế thu nhập cá nhân	644.486.334	1.071.797.345	(1.080.691.241)	635.592.438
Thuế nhà đất	109.293.314	109.293.314	(109.293.314)	109.293.314
Tiền thuế đất	349.199.559	3.385.871.689	(300.000.000)	3.435.071.248
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	4.241.690.269	41.734.820.339	(39.400.857.125)	6.575.653.483

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải trả chi phí tiếp thị và quảng cáo	44.752.773	1.936.275.713
Phải trả chi phí điện, nước và tiện ích khác	182.417.076	1.086.578.051
Phải trả chi phí hỗ trợ nhà phân phối	1.715.519.297	796.231.402
Các khoản trích trước khác	886.148.466	1.491.730.034
	2.828.837.612	5.310.815.200

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn	74.958.780	5.538.271
Tài sản thừa chờ giải quyết	191.363.501	30.321.399
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.636.448	66.806.698
	350.958.729	102.666.368



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Các khoản dự phòng**

Khoản tiền 5.458.254.250 VND phản ánh khoản dự phòng cho thuế giá trị gia tăng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005. Công ty có nghĩa vụ phải nộp khoản thuế này vào Ngân sách Nhà nước khi thu được tiền từ các cá nhân. Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn chưa thu được khoản này từ các cá nhân.

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.559.855.698	2.278.859.343
Trích lập trong năm	882.782.701	636.853.991
Sử dụng trong năm	(181.275.000)	(355.857.636)
Số dư cuối năm	<u>3.261.363.399</u>	<u>2.559.855.698</u>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2014</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.856.450.403	21.768.366.993	110.610.868.002
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	14.575.675.606	14.575.675.606
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.273.707.981	636.853.991	(1.910.561.972)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(636.853.991)	(636.853.991)
Có tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	-	-	-	-	(640.000.000)	(640.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014 – đã báo cáo trước đây</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	13.506.371.237	11.493.304.394	25.656.626.636	116.409.689.617
<i>Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 (Thuyết minh 37)</i>	-	-	11.493.304.394	(11.493.304.394)	-	-
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã phân loại lại</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	24.999.675.631	-	25.656.626.636	116.409.689.617
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	10.230.873.761	10.230.873.761
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.648.348.104	-	(2.648.348.104)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(882.782.701)	(882.782.701)
Có tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	27.648.023.735	-	24.756.369.592	118.157.780.677

## Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## 23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 4 năm 2015, cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND/cổ phiếu).

Trong năm trước, ngày 25 tháng 4 năm 2014, cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND/cổ phiếu).

## 24. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

### (a) Quỹ đầu tư phát triển

Theo Điều lệ Công ty và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 4 năm 2015, cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 10% từ lợi nhuận thuần sau thuế hợp nhất (1.766 triệu VND) vào Quỹ đầu tư và phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai, đồng thời trích lập 5% từ lợi nhuận thuần sau thuế hợp nhất (882 triệu VND) vào Quỹ dự phòng tài chính. Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp quy định doanh nghiệp không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính và toàn bộ số dư đầu kỳ của Quỹ dự phòng tài chính sẽ được chuyển vào Quỹ đầu tư phát triển. Do đó, khoản trích lập Quỹ dự phòng tài chính ứng với 5% trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế hợp nhất trong năm 2015 đang được ghi tăng Quỹ đầu tư và phát triển.

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 1.274 triệu VND vào Quỹ đầu tư, phát triển và 637 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần năm 2013.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	250.750.000	1.178.000.000

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.897	61.311.644	2.895	61.274.035

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	13.456.072.727	7.990.000.000

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	333.934.735.418	327.013.157.326
▪ Doanh thu cho thuê	846.563.845	928.296.608
▪ Doanh thu bán vật tư, phế liệu	60.482.784	-
▪ Khác	599.441.873	-
	<hr/>	<hr/>
	335.441.223.920	327.941.453.934
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(7.649.126.967)	(11.139.536.508)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(183.162.798)
	<hr/>	<hr/>
	(7.649.126.967)	(11.322.699.306)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	327.792.096.953	316.618.754.628
	<hr/>	<hr/>

**27. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	235.427.285.104	217.790.905.808
▪ Giá vốn cho thuê	40.183.528	306.472.041
▪ Khác	1.135.312.688	-
	<hr/>	<hr/>
	236.602.781.320	218.097.377.849
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	55.720.988	196.998.282
Cổ tức được chia	49.801.000	100.531.400
	<hr/>	<hr/>
	105.521.988	297.529.682
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	129.168.411	504.213.358
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(284.923.000)	(3.184.258.476)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	16.286.170	29.878.626
Chi phí tài chính khác	3.145.969	-
	<hr/>	<hr/>
	(136.322.450)	(2.650.166.492)
	<hr/>	<hr/>

**30. Chi phí bán hàng**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	30.391.376.376	23.995.205.849
Chi phí khấu hao	291.950.201	981.607.932
Chi phí vận chuyển	9.046.642.737	7.673.492.766
Chi phí hoa hồng bán hàng	6.648.255.263	2.211.763.318
Chi phí dịch vụ thuê ngoài khác	3.499.710.637	11.302.741.653
Chi phí khác	2.071.347.390	1.335.226.384
	<hr/>	<hr/>
	51.949.282.604	47.500.037.902
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	12.327.928.495	18.648.774.073
Chi phí khấu hao	1.428.044.338	2.042.209.293
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	5.520.525.018	5.024.824.397
Thuê, phí và lệ phí	3.646.673.187	1.739.858.362
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	75.300.963	-
Chi phí khác	6.477.734.448	6.981.218.745
	<hr/>	<hr/>
	29.476.206.449	34.436.884.870
	<hr/>	<hr/>

**32. Thu nhập khác**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	4.076.999.207	309.700.000
Thu từ bán công cụ, dụng cụ	300.272.473	305.550.575
Các khoản khác	299.406.746	103.899.786
	<hr/>	<hr/>
	4.676.678.426	719.150.361
	<hr/>	<hr/>

**33. Chi phí khác**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị của các công cụ, dụng cụ đã thanh lý	363.492.975	27.613.105
Các khoản bị phạt	22.000.000	-
Các khoản khác	207.802.940	923.159.625
	<hr/>	<hr/>
	593.295.915	950.772.730
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	206.288.376.915	198.740.981.696
Chi phí nhân viên	62.118.949.462	62.306.295.397
Chi phí khấu hao	5.561.247.384	6.127.873.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.209.027.537	25.804.294.731
Chi phí khác	20.134.076.590	11.039.278.888

**35. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	3.539.975.996	4.724.852.206
Dự phòng thiếu trong những năm trước	318.203.772	-
	<b>3.858.179.768</b>	<b>4.724.852.206</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.089.053.529	19.300.527.812
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.099.591.776	4.246.116.119
Chi phí không được khấu trừ thuế	451.340.440	500.852.995
Thu nhập không bị tính thuế	(10.956.220)	(22.116.908)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	318.203.772	-
	<b>3.858.179.768</b>	<b>4.724.852.206</b>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2015 (2014: 22%).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng</b>		
Bán thành phẩm	128.324.154	42.552.141
Bán công cụ, dụng cụ	180.777.351	160.159.374
Bán dịch vụ	-	201.732.500
Mua hàng hóa và dịch vụ	34.846.964.280	28.157.831.800
Thu hồi khoản vay ngắn hạn	-	2.100.725.059
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	2.449.999.996	2.157.834.250
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	2.443.549.679	1.890.999.996



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán riêng**

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Chứng khoán kinh doanh	5.648.780.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	5.648.780.000
Phải thu ngắn hạn khác	7.336.887.343	6.788.384.530
Tài sản thiếu chờ xử lý	12.140.250	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	560.643.063
Phải thu dài hạn khác	6.666.940.721	6.348.940.721
Tài sản dài hạn khác	-	318.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	11.493.304.394
Quỹ đầu tư phát triển	24.999.675.631	13.506.371.237

**28 -03- 2016**

Người lập:

Vũ Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc